

Số: 2087/TTr-STP

Bình Dương, ngày 18 tháng 12 năm 2018

### TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và dự thảo Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 254/TB-UBND ngày 08/11/2018 về việc giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan căn cứ vào kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành Bộ Tư pháp rà soát tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý cho phù hợp đúng quy định; đồng thời, thực hiện Kết luận số 4593/KL-ĐCTLN ngày 29/11/2018 của Đoàn công tác liên ngành “Kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ (nội dung “Về kết quả kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2017”) tại tỉnh Bình Dương”. Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo “Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương” và dự thảo “Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương”, như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Thực hiện Thông báo số 254/TB-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh và Kết luận số 4593/KL-ĐCTLN ngày 29/11/2018 của Đoàn công tác liên ngành. Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện rà soát các văn bản pháp luật do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành có nội dung trái pháp luật. Đồng thời, ngày 13/11/2018, Sở Tư pháp đã tổ chức họp thống nhất nội dung tham mưu UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các thành viên dự họp và Công văn số 1891/SNV-XDCQ-CTTN ngày 23/11/2018 của Sở Nội vụ về việc xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Sở Tư pháp đã xây dựng dự thảo “Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương” và dự thảo “Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương” và gửi các sở, ngành có liên quan góp ý (Công văn số 1990/STP-XDKT ngày 04/12/2018), đã tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Thông tin và Truyền thông (các ngành còn lại thống nhất với dự thảo văn bản).

Để đảm bảo tính thống nhất phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành dự thảo “*Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*” và dự thảo “*Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*” là cần thiết, đúng với quy định pháp luật hiện hành.

## **II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương**

#### **a) Bố cục**

Dự thảo Quyết định gồm có 03 Điều (Điều 1, Điều 2, Điều 3).

#### **b) Nội dung cơ bản**

- Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ 04 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành sau đây:

+ Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

*(Lý do: Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, trong đó có một số nội dung mang tính khuyến nghị thực hiện trong việc cưới, việc tang và lễ hội nhằm dần loại bỏ những thủ tục lạc hậu, gây tốn kém, lãng phí, góp phần xây dựng nếp sống văn minh. Tuy nhiên, về cùng nội dung này, Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND đã quy định một số hành vi mà tổ chức, cá nhân phải làm hoặc không được làm (mang tính hạn chế, cấm đoán) trong việc tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội là không phù hợp.*

*Các quy định nêu trên mặc dù phù hợp với Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/11/2011 quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Tuy nhiên, về nội dung này, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã có Kết luận số 34/KL-KTrVB ngày 29/8/2018 đối với Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/11/2011 quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và Thông tư này đang được Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch rà soát, xây dựng văn bản thay thế)*

+ Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương.

*(Lý do: Khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND quy định:*

“Điều 3. Cách tính chỉ tiêu và thời điểm được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

### 1. Cách tính chỉ tiêu

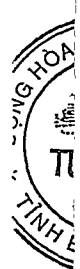
Căn cứ vào số cán bộ, công chức, viên chức có mặt thuộc chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phân bổ cho cơ quan, đơn vị hàng năm, bao gồm số biên chế và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ ngân sách tỉnh đã thực hiện (gọi là biên chế trả lương) để làm cơ sở tính chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Nếu Sở ngành có nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc có thể tính riêng biên chế từng cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc gộp biên chế các cơ quan, đơn vị trực thuộc lại thành biên chế chung để linh động khi xét.

Lấy số biên chế trả lương chia cho 10, lấy phần nguyên sẽ được số chỉ tiêu tương ứng, số dư (nhỏ hơn 10) của phép chia này được tính như sau:

- Nếu số dư từ 08 đến 09 thì được bổ sung thêm 01 chỉ tiêu;
- Nếu số dư từ 04 đến 07 thì trong 02 năm được bổ sung 01 chỉ tiêu;
- Nếu số dư từ 03 trở xuống thì không bổ sung chỉ tiêu.

Lưu ý: Đối với các cơ quan, đơn vị đơn lẻ có số biên chế trả lương từ 03 trở xuống cần trao đổi trước với Sở Nội vụ về số lượng chỉ tiêu trước khi đề nghị.”

Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ): “Cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ mà chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa 12 tháng so với thời gian quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn trong một năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị (trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này)”. Theo đó, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn trong một năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Cách tính số người thuộc tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn đối với tỷ lệ 10% đã được hướng dẫn tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (thay thế các văn bản là căn cứ ban hành Quyết định: Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10/08/2005 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức).



Tại thời điểm ban hành Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND, Bộ Nội vụ chưa có hướng dẫn cụ thể cách tính số người thuộc tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lương trước thời hạn. Tuy nhiên, về nguyên tắc theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định số 17/2013/NĐ-CP) tỷ lệ này được áp dụng trong một năm (kể cả đơn vị có số biên chế dư ra theo tỷ lệ), không quá 10%.

Theo đó, việc hướng dẫn “Nếu số dư từ 08 đến 09 thì được bổ sung thêm 01 chỉ tiêu; Nếu số dư từ 04 đến 07 thì trong 02 năm được bổ sung 01 chỉ tiêu” theo quy định tại Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND là không bảo đảm nguyên tắc, vượt quá tỷ lệ quy định của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Mặt khác, ngày 31/7/2013, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, trong đó có quy định hướng dẫn cách tính số người thuộc tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn (thay thế các văn bản là căn cứ ban hành Quyết định: Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10/08/2005 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức), trong đó đã quy định việc xử lý đối với trường hợp số dư dưới 10 người. Đến nay, Bình Dương vẫn chưa thực hiện việc rà soát văn bản để quy định phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV là không phù hợp với quy định.)

+ Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(Lý do:

- Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND có phạm vi điều chỉnh: “bao gồm việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo Luật đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư...”

Việc ký quỹ nhằm bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, theo quy định của Luật đầu tư năm 2014 do Chính phủ quy định chi tiết. Nội dung này đã được hướng dẫn cụ thể tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

Ngoài ra, Khoản 1 Điều 2 Quy định số 32/2017/QĐ-UBND quy định nguyên tắc thực hiện ký quỹ như sau: “Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất”. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định

thời điểm thực hiện ký quỹ, trong đó phân biệt rõ dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương và dự án không thuộc diện quyết định chủ trương. Quyết định của UBND tỉnh Bình Dương quy định thời điểm ký quỹ là “trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất”, không phân biệt dự án đầu tư là không phù hợp so với Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Theo đó, Quyết định số 32/2017/Đ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư là không cần thiết. Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015: “Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”. Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND có nhiều nội dung quy định lặp lại hoặc lặp lại không đầy đủ so với Nghị định số 118/2015/NĐ-CP là không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015.

- Điều 8, 9, 10 Quy định số 32/2017/QĐ-UBND quy định trình tự thực hiện thủ tục ký quỹ

Điều 8, 9, 10 Quy định số 32/2017/QĐ-UBND quy định hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu, tài liệu liên quan để thực hiện ký quỹ, thời hạn giải quyết việc thực hiện ký quỹ đã đặt ra thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư. Tuy nhiên, Luật đầu tư năm 2014 không giao UBND cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục ký quỹ. Việc thực hiện ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà đầu tư và cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Trong khi đó, Điều 14 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định một trong những hành vi bị nghiêm cấm trong ban hành văn bản QPPL là: “Quy định thủ tục hành chính trong quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Vì vậy, Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ban hành thủ tục hành chính về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư là không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015.)

+ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

(Lý do: bãi bỏ đồng thời với Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

- Bãi bỏ toàn bộ các văn bản pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ 05 văn bản pháp luật do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành sau đây:

X.H.C  
SỞ  
J PH  
3/INH C

+ Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp trong việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

*(Lý do: Quyết định số 1546/QĐ-UBND là văn bản hành chính, có nội dung chứa quy phạm pháp luật (quy định về nguyên tắc, hồ sơ, quy trình và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết hồ sơ và trả kết quả trong quá trình thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi hoặc đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi). Đồng thời, văn bản được ban hành dưới dạng Quy chế phối hợp tuy nhiên có đối tượng điều chỉnh không chỉ trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước (bao gồm cả nhân có yêu cầu liên thông thủ tục hành chính, cơ quan bảo hiểm xã hội...). Do đó, việc Quyết định số 1546/QĐ-UBND được ban hành dưới dạng văn bản hành chính là không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL)*

+ Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

*(Lý do: Quyết định số 2177/QĐ-UBND là văn bản hành chính, có nội dung chứa quy phạm pháp luật (quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ) là không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008 và Luật Ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 về hình thức của văn bản)*

+ Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 25/09/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến và tổ chức, hoạt động của Hội đồng xét sáng kiến cấp tỉnh.

*(Lý do: Quyết định số 2563/QĐ-UBND là văn bản hành chính, có nội dung chứa quy phạm pháp luật là không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Đồng thời, khoản 2 Điều 14 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 cũng đã quy định việc “ban hành văn bản không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 của Luật này nhưng có chứa quy phạm pháp luật” là hành vi bị nghiêm cấm).*

+ Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định xét chọn và công nhận “Tuyến phố văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(Lý do: Quyết định số 61/QĐ-UBND được ban hành dưới hình thức văn bản hành chính nhưng chứa quy phạm pháp luật (quy định xét chọn và công nhận “Tuyến phố văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh Bình Dương) là không phù hợp về hình thức của văn bản so với quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Đồng thời, khoản 2 Điều 14 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 cũng đã quy định việc “ban hành văn bản không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 của Luật này nhưng có chứa quy phạm pháp luật” là hành vi bị nghiêm cấm).

+ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 11 Chương IV ban hành kèm theo Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 25/09/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức chi hỗ trợ thù lao cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

(Lý do: bãi bỏ đồng thời với Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 25/09/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Nội dung trên có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019.

(Có dự thảo Quyết định kèm theo).

## **2. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương**

### **a) Bộ cục**

Dự thảo Quyết định gồm có 02 Điều (Điều 1, Điều 2).

### **b) Nội dung cơ bản**

- Sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 3 của Quy định về tiêu chuẩn, chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương như sau:

“b. Đối với Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, trách nhiệm và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn”.

(Lý do: Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn công chức cấp xã:

“ Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP) và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Độ tuổi: Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên và không quá 45 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

2. Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Trình độ chuyên môn:

a) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: Phải có trình độ trung cấp chuyên ngành trở lên hoặc đại học chuyên ngành phù hợp, phải được bồi dưỡng chương trình huấn luyện Trưởng Công an xã, Chỉ huy trưởng Quân sự và các quy định pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này.

b) Đối với Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội.

- Làm việc tại 16 xã được hưởng phụ cấp khu vực do Trung ương quy định (có phụ lục đính kèm) thì trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh được đảm nhiệm.

- Làm việc tại các xã, phường, thị trấn còn lại thì trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh được đảm nhiệm.....”

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn thì “Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức cấp xã theo từng chức danh do Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định.”

Theo quy định, UBND cấp tỉnh chỉ được xem xét quyết định: “Giảm một cấp về trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn đối với công chức làm việc tại xã đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận thuộc khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa công chức cấp xã” (Điểm a Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn).

Tiêu chuẩn chung về trình độ chuyên môn đối với công chức xã, phường, thị trấn đã được xác định cụ thể tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BNV là “Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm”.

Do đó, việc quy định công chức làm việc tại các xã, phường, thị trấn ngoài 16 xã được hưởng phụ cấp khu vực phải có “trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh được đảm nhiệm” là không phù hợp)

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 11 của Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, bán chuyên trách Công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

(Lý do: Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND quy định: “Khi chưa có điều kiện thi tuyển, xét tuyển chính thức, cơ quan có thể thực hiện hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế đối với đối tượng là ứng viên vào vị trí cán bộ công nghệ thông tin”.

Luật cán bộ, công chức năm 2008 và các văn bản hướng dẫn không quy định về việc thực hiện hợp đồng trong cơ quan hành chính nhà nước. Việc thực hiện chế độ



hợp đồng chỉ áp dụng với một số loại công việc nhất định, trong đó không có công việc đã được xác định biên chế

Do đó, việc quy định thực hiện hợp đồng đối với công việc (vị trí cán bộ công nghệ thông tin), đã được xác định, xét duyệt chi tiêu biên chế là không có cơ sở.)

- Bổ sung căn cứ: “Nghị quyết 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Tỉnh Bình Dương” vào phần căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chế độ tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(Lý do: Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương được ban hành trên cơ sở căn cứ “Nghị quyết 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Tỉnh Bình Dương”. Tuy nhiên, phần căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND thiếu viện dẫn “Nghị quyết 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Tỉnh Bình Dương” là không phù hợp)

Nội dung trên có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019.

(Có dự thảo Quyết định kèm theo).

Trên đây là Tờ trình dự thảo “Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương” và dự thảo “Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương”, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo STP (Scan);
- Lưu: VT, XDKT, “pdf”.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Hoa**

Số: /2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày tháng năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ toàn bộ 04 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành sau đây:

1. Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

## **Điều 2. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản pháp luật**

Bãi bỏ toàn bộ 05 văn bản pháp luật do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành sau đây:

1. Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp trong việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến và tổ chức, hoạt động của Hội đồng xét sáng kiến cấp tỉnh.

4. Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định xét chọn và công nhận “Tuyến phố văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 11 Chương IV ban hành kèm theo Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức chi hỗ trợ thù lao cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UBNDTTQ tỉnh;
- CT và các PCT;
- Như Điều 3;
- TT.HĐND, TT.UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm công báo tỉnh, website tỉnh;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Số: /2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày tháng 12 năm 2018

Dự thảo

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: .... /TTr-STP ngày tháng năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, sau đây:**

1. Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về tiêu chuẩn, chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương:

Sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 3 của Quy định về tiêu chuẩn, chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương:

“b. Đối với Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, trách nhiệm và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn”.

2. Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, bán chuyên trách Công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương:

Bãi bỏ Khoản 2 Điều 11 của Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, bán chuyên trách Công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chế độ tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Bổ sung căn cứ: “*Nghị quyết 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Tỉnh Bình Dương*” vào phần căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài Chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT HĐND, Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UBMTTQ tỉnh;
- CT và các PCT;
- Như Điều 2;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm công báo tỉnh, website tỉnh;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Bình Dương, ngày tháng 12 năm 2018

### BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với dự thảo Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và dự thảo Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Thanh Liêm tại phiên họp lần thứ 13 - Ủy ban nhân dân tỉnh Khóa IX về việc giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan căn cứ vào kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành Bộ Tư pháp rà soát tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý cho phù hợp đúng quy định. Sở Tư pháp đã xây dựng dự thảo “*Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*” và dự thảo “*Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*” và có Công văn số 1990/STP-XDKT ngày 04/12/2018 đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan góp ý đối với dự thảo Quyết định.

\***Tổng số đơn vị gửi lấy ý kiến góp ý: 06 đơn vị**, gồm: Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

\***Tổng số đơn vị có văn bản góp ý gửi về Sở Tư pháp (tính đến hết ngày 14/12/2018) là: 06 đơn vị**, trong đó:

+ Các đơn vị thống nhất với dự thảo: **05 đơn vị** (Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

+ Các đơn vị có góp ý điều chỉnh, bổ sung: **01 đơn vị** (Sở Thông tin và Truyền thông).

+ Số đơn vị không đồng ý với dự thảo: **00**.

**\*Nội dung các ý kiến góp ý điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:**

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH CỦA SỞ TƯ PHÁP
1.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 1 của dự thảo này cụm từ “ khoản 2” thành câu như sau: “Bãi bỏ khoản 2, Điều 11 Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, bán chuyên trách Công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương”	Tiếp thu, đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
2.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thống nhất với dự thảo văn bản	
3.	Sở Khoa học và Công nghệ		
4.	Sở Xây dựng		
5.	Sở Nội vụ		
6.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		

Trên đây là tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo “*Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*” và dự thảo “*Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương*”./.